TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CN
TỈNH CM

Bản án số: 167/2018/DS-ST
Ngày: 18-9-2018
"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CN, TỈNH CM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - chủ tọa Ph tòa: Ông Nguyễn A Đam
Các vị Hội thẩm nhân dân:
Ông: Nguyễn Văn Mầm
Ông: Nguyễn Văn Hành
- Thư ký Ph tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện CN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018. Về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1964 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Sở T, xã Thạnh Ph, huyện CN, tỉnh CM.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng N - Sinh năm 1977 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Bào K, xã Lương Thế Tr, huyện CN, tỉnh CM.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị Ph – sinh năm 1980 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp Bào Kè, xã Lương Thế Trân, huyện CN, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo ông Trần Văn Ng trình bày: Vào ngày 08 – 6 – 2013 âm lịch, ông có cho anh Nguyễn Hoàng N vay số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, khi vay tiền thì anh N có viết biên nhận nợ giao cho ông giữ, không có quy định thời gian trả nợ. Sau khi vay thì anh N có trả lãi cho ông được 04 tháng với số tiền là 2.160.000 đồng. Từ đó cho đến nay anh N không có trả vốn và lãi cho ông, ông đã nhiều lần yêu cầu anh N trả nợ nhưng anh N không thực hiện. Khi anh N vay tiền của ông thì anh N và chị Ph là vợ chồng, nhưng hiện nay đã ly hôn và có cuộc sống riêng, khi ông N vay tiền tôi thì không có chị Ph chứng kiến, nay ông yêu cầu ông N có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Tại biên bản làm việc ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CN đối với anh Nguyễn Hoàng N thì anh N trình bày như sau: Anh thừa nhận vào ngày 08 – 6 – 2013 âm lịch anh có vay của ông Ng số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 1.700.000 đồng/tháng. Sau khi vay tiền thì anh có nhiều lần trả lãi cho ông Ng nhưng anh không nhớ cụ thể đã trả cho ông Ng bao nhiêu tiền lãi. Trước khi ông Ng khởi kiện ông thì ông có trả cho ông Ng được 1.000.000 đồng tiền vốn, ông thừa nhận chỉ còn thiếu ông Ng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Anh sẽ cung cấp chứng cứ để chứng minh số tiền ông đã trả lãi cho ông Ng để đối trừ vào số tiền còn nợ ông Ng, sau khi đối trừ anh còn nợ ông Ng bao nhiêu thì anh sẽ trả cho ông Ng. Số tiền ông vay của ông Ng là do anh trực tiếp vay về sử dụng vào công việc riêng, chị Ph không có liên quan đến số tiền nợ trên, hiện nay anh và chị Ph đã ly hôn và có cuộc sống riêng, anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ông Ng, anh không yêu cầu bà Ph liên đới cùng với ông để trả nợ cho ông Ng.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là ông Trần Văn Ng với bị đơn là anh Nguyễn Hoàng N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Ph là "Tranh chấp đòi lại tài sản" được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ tại ấp Bào K, xã Lương Thế Tr, huyện CN, tỉnh CM nên Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng theo quy đinh tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét về thời hiệu khởi kiện: Tại hồ sơ thể hiện ngày 08 – 6 – 2013 âm lịch anh N có vay của ông Ng số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, không có quy định thợi hạn trả nợ. Khi vay thì anh N có viết biên nhận nợ giao cho ông Ng giữ làm tin. Sau khi vay tiền thì anh N có trả được cho ông Ng 04 tháng lãi với số tiền là 2.160.000 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Từ đó cho đến nay anh N không có trả vốn và lãi cho ông Ng. Tháng 5 năm 2017 ông Ng có yêu cầu chính quyền ấp Bào Kè, xã Lương Thế Trân, huyện CN mời ông N để hòa giải việc nợ tiền ông Ng nhưng ông N vắng mặt không lý do; tại biên bản làm việc ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CN đối với anh Nguyễn Hoàng N thì anh N thừa nhận vào ngày 08 – 6 – 2013 âm lịch anh có vay của ông Ng số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 1.700.000 đồng/tháng. Trước khi ông Ng khởi kiện ông thì ông có trả cho ông Ng được 1.000.000 đồng tiền vốn, ông thừa nhận chỉ còn thiếu ông Ng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Do đó, việc khởi kiện của ông Ng đối với anh N và chị Ph là còn thời hiệu theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về nội dung tranh chấp của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Ph tòa, ông Ng trình bày vào ngày 08 – 6 – 2013 âm lịch anh N có vay của ông Ng số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, không có quy định thợi hạn trả nợ. Khi vay thì anh N có viết biên nhận nợ giao cho ông Ng giữ làm tin. Sau khi vay tiền thì anh N có trả được cho ông Ng 04 tháng lãi với số tiền là 2.160.000 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Từ đó cho đến nay anh N không có

trả vốn và lãi cho ông Ng. Khi vay tiền thì anh N và chị Ph là vợ chồng nhưng hiện nay đã ly hôn và có cuộc sống riêng, khi ông N vay tiền tôi thì không có chị Ph chứng kiến, nên ông Ng yêu cầu ông N có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng), không yêu cầu trả lãi. Tại biên bản làm việc ngày 22 – 8 – 2018 của Tòa án nhân dân huyện CN đối với anh Nguyễn Hoàng N thì anh N thừa nhận có vay của ông Ng số tiền 9.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.700.000 đồng/tháng, đã qua anh có nhiều lần trả lãi cho ông Ng nhưng anh không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu, anh cho rằng có ghi sổ theo dõi nhưng không có ông Ng ký tên, anh sẽ cung cấp cho Tòa án. Trước khi ông Ng khởi kiện thì anh có trả cho ông Ng được số tiền vốn là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), anh còn thiếu ông Ng 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tiền vốn, anh N yêu cầu đối trừ số tiền lãi đã trả, còn thiếu lại ông Ng bao nhiêu thì anh sẽ trả. Việc vay tiền là do anh tự vay không liên quan đến chị Ph, anh không yêu cầu chị Ph liên đới trả nợ. Tuy nhiên đến Ph tòa hôm nay anh N không có cung cấp chứng cứ để chứng minh có trả lãi cho ông Ng nhiều lần và số tiền đã trả là bao nhiêu để Tòa án xem xét.

Xét thấy khi anh N vay tiền của ông Ng thì hôn nhân giữa anh N và chị Ph đang tồn tại, nhưng hiện nay anh N và chị Ph đã ly hôn. Tại biên bản làm việc ngày 22 – 8 – 2018 của Tòa án nhân dân huyện CN cho rằng số tiền trên là anh tự vay, chị Ph không hay biết, anh sẽ tự trả nợ cho ông Ng, anh không yêu cầu chị Ph liên đới trả nợ. Do đó, anh N phải có trách nhiệm trả cho ông Ng số tiền nợ là 9.000.000 đồng.

Ông Ng không thừa nhận mức lãi suất 1.700.000 đồng/tháng/9.000.000 đồng như anh N trình bày tại biên bản làm việc, ông xác định chỉ cho anh N vay với mức lãi suất là 6%/tháng và anh N chỉ có trả lãi cho ông được 04 tháng với số tiền là 2.160.000 đồng chứ không có nhận lãi nhiều lần như anh N trình bày. Ông Ng không thừa nhận có nhận của anh N 1.000.000 đồng tiền vốn như anh N trình bày, anh N không cung cấp chứng cứ chứng minh đã có trả cho ông Ng 1.000.000 đồng tiền vốn. Do đó, yêu cầu của ông Ng đối với anh N là có cơ sở chấp nhận. Tại Ph tòa ông Ng chỉ yêu cầu anh N trả nợ cho ông, ông không yêu cầu chị Ph liên đới với anh N trả nợ cho ông. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trách nhiệm trả nợ đối với chị Ph.

[4] Đối với anh Nguyễn Hoàng N và bà Trần Thị Ph đã được triệu tập hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đối với anh N và chị Ph. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, triệu tập anh N và chị Ph hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập anh N và chị Ph đến Tòa án nhân dân huyện CN để tham gia tố tụng tại Ph tòa nhưng anh N và chị Ph vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh N và chị Ph..

[5] Về án phí dân sự có giá ngạch là 2.650.000 đồng bà Thoa và ông Tuấn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Văn Ng đối với anh Nguyễn Hoàng N.

Buộc anh Nguyễn Hoàng N trả cho ông Trần Văn Ng số tiền nợ là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 450.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Trần Văn Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Hồng Nhiên có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004286 ngày 26 – 3 – 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN. Ông Trần Văn Ng được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Trần Văn Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hoàng N và bà Trần Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh CM;
- VKSND huyện CN;
- Chi cục THADS huyện CN;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn A Đam

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Võ Tấn Liêm **Nguyễn Văn Sol** **Trần Nhủ Khuyên**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 15 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2017
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện CN
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa Ph tòa: Ông Trần Nhủ Khuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Sol
Ông Võ Tấn Liêm

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số 161/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2017 về Tranh chấp nợ hụi giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Cao Minh Nghiệp, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ, huyện CN, tỉnh CM.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn Kiệt - Sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ, huyện CN, tỉnh CM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Lệ – sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Rau Dừa, xã Hưng Mỹ, huyện CN, tỉnh CM.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại Ph tòa, kết quả tranh tụng tại Ph tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về Điều luật căn cứ:

Căn cứ:

Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- **Về nội dung:**

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Cao Minh Nghiệp đối với ông Ngô Văn Kiệt và bà Võ Thị Lệ.

Buộc ông Ngô Văn Kiệt và bà Võ Thị Lệ liên đới trả cho ông Cao Minh Nghiệp số tiền 25.500.000 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015Kết quả biểu quyết: 3/3

- **Các vấn đề khác:**

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Ngô Văn Kiệt và bà Võ Thị Lệ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.275.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Cao Minh Nghiệp không

phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Cao Minh Nghiệp có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 637.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003624 ngày 23 – 6 – 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN. Ông Cao Minh Nghiệp được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, ông Cao Minh Nghiệp có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Văn Kiệt và bà Võ Thị Lệ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 11 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA**

Nguyễn Văn Sol **Võ Tấn Liêm** **Trần Nhủ Khuyên**